

# THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN NĂM 1980 - SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM

**PHÙNG BÍCH NGỌC \***

**Tóm tắt:** Quá trình áp dụng Công ước Viên năm 1980 có tác động tích cực tới việc hoàn thiện pháp luật mua bán hàng hoá quốc gia. Bài viết phân tích, đánh giá một số quy định về việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế trong Công ước Viên năm 1980; chỉ ra sự phù hợp và không phù hợp trong các quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là các quy định trong Luật thương mại năm 2005 về địa điểm giao hàng, hàng hoá không phù hợp với hợp đồng, kiểm tra hàng hoá và bảo quản hàng hoá. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thương mại năm 2005 để tương thích với các quy định trong Công ước Viên năm 1980.

**Từ khoá:** Công ước Viên năm 1980; hàng hoá quốc tế; hợp đồng mua bán; pháp luật Việt Nam.

Nhận bài: 19/12/2018

Hoàn thành biên tập: 05/9/2019

Duyệt đăng: 18/9/2019

PERFORMING CONTRACTS FOR THE INTERNATIONAL SALE OF GOODS UNDER THE  
1980 VIENNA CONVENTION - COMPARING WITH THE LAW OF VIETNAM

**Abstract:** The implementation of the 1980 Vienna Convention has positively impacted on the improvement of the national law on sale of goods. The paper analyses and assesses some provisions on performing contracts for the international sale of goods of the 1980 Vienna Convention. It points out the conformity and inconformity of the law of Vietnam with those provisions, specifically the conformity and inconformity of the provisions of the 2005 Commercial Law on place of delivery of goods, goods which are not appropriate to contracts, examination of goods and preservation of goods. On that basis, the paper proposes to amend and supplement some articles of the 2005 Commercial Law to make them compatible with the 1980 Vienna Convention.

**Keywords:** The 1980 Vienna Convention; goods; contract; international sale; the law of Vietnam.

Received: Dec 19<sup>th</sup>, 2018; Editing completed: Sept 5<sup>th</sup>, 2019; Accepted for publication: Sept 18<sup>th</sup>, 2019

## 1. Khái quát về Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế trong bối cảnh hiện nay

Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế của Liên hợp quốc được thông qua năm 1980 (sau đây gọi tắt là Công ước Viên năm 1980) là một mô hình hữu ích cho các nước đang có ý định ban hành luật hợp đồng và mua bán hiện đại, trong đó có

Việt Nam. Công ước Viên năm 1980 cung cấp một chế độ hiện đại, thống nhất và công bằng cho việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc mua bán hàng hoá quốc tế, một khung pháp lý chắc chắn trong trao đổi thương mại, do đó, làm giảm chi phí giao dịch giữa các bên. Công ước Viên năm 1980 được coi là một trong những hiệp định cốt lõi trong thương mại quốc tế và được áp dụng phổ biến trong hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế hiện nay. Công ước Viên

\* Giảng viên, Trường đại học thương mại  
E-mail: [ngocphung@tmu.edu.vn](mailto:ngocphung@tmu.edu.vn)

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

năm 1980 hiện có 85 quốc gia thành viên, trong đó có các quốc gia đại diện cho các truyền thống pháp lí và ở nhiều mức độ phát triển kinh tế. Những quốc gia đó bao gồm các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Đức, Trung Quốc..., chiếm hơn 2/3 thương mại toàn cầu. Trong thực tế, Công ước Viên năm 1980 là thành phần quan trọng của một môi trường thuận lợi cho thương mại quốc tế. Hơn nữa, Công ước Viên năm 1980 có hiệu lực cho phép trao đổi qua biên giới đối với các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực.

Công ước Viên năm 1980 là văn bản được hình thành đặc biệt cho thương mại quốc tế. Nguyên tắc cơ bản của Công ước là tự do hợp đồng: Các bên có quyền tự do thay đổi các điều khoản của mình hoặc chọn không tham gia theo ý muốn, miễn là họ có thể đạt được thoả thuận về cách thực hiện. Công ước Viên năm 1980 cũng công nhận nguyên tắc tự do về hình thức hợp đồng, nghĩa là một hợp đồng mua bán hàng hoá không nhất thiết phải bằng văn bản mà có thể được thành lập bằng lời nói, bằng hành vi và có thể được chứng minh bằng mọi cách, kể cả bằng nhân chứng (Điều 11). Do vậy, hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế có thể được kí kết dưới bất kì hình thức nào, trừ khi nhà nước quy định rõ ràng và cụ thể yêu cầu các bên xác lập dưới hình thức nhất định. Theo đó, với các quốc gia mà pháp luật đòi hỏi hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế phải được lập thành văn bản có thể được bảo lưu không áp dụng nguyên tắc tự do về hình thức mà Công ước Viên năm 1980 đưa ra.<sup>(1)</sup> Nguyên tắc này

phản ánh thực tiễn kinh doanh toàn cầu hiện nay. Nguyên tắc tự do trong hợp đồng xuất phát từ mong muốn cho phép sự tham gia của các cá nhân trong quan hệ hợp đồng ràng buộc pháp lí khi họ cho là phù hợp. Hơn nữa, quyền tự do lựa chọn hình thức xác lập hợp đồng gần đây đã cho thấy sự hữu ích thông qua việc thừa nhận hình thức xác lập bằng phương tiện điện tử cũng có hiệu lực pháp luật. Đây là một trong những phương thức sử dụng phổ biến hiện nay.

Một nội dung khác được phản ánh trong Công ước Viên năm 1980, đó là, chi phí giao dịch thương mại xuyên biên giới thường phát sinh nhiều hơn chi phí giao dịch trong nước. Cụ thể là chi phí vận chuyển là hiển nhiên nhưng không phải là thành phần duy nhất trong các chi phí bổ sung trong hợp đồng xuyên biên giới. Chi phí giao dịch sẽ tăng thêm trong trường hợp có tranh chấp xảy ra. Các quy định trong Công ước Viên năm 1980 giúp cho việc thực hiện hợp đồng trong chừng mực có thể thực hiện và đưa ra các quy định hạn chế việc chấm dứt hợp đồng ngay lập tức. Cách tiếp cận này giải thích tại sao theo Công ước Viên năm 1980, hợp đồng được tuyên bố huỷ chỉ khi một vi phạm cơ bản đã xảy ra và thường sau khi bên bị thiệt hại đã bổ sung thời gian để bên vi phạm có thể thực hiện phần nghĩa vụ của mình. Sự vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ

---

hoá quốc tế, tr. 57, <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/1583-bao-cao-de-xuat-viet-nam-gia-nhap-cong-uoc-vien-1980>, truy cập 25/5/2019.

---

(1). Báo cáo nghiên cứu đề xuất Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng

có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng, trừ khi bên vi phạm không tiên liệu được hậu quả đó và một người có lí trí minh mẫn cũng sẽ không tiên liệu được nếu họ cũng ở vào hoàn cảnh tương tự.<sup>(2)</sup> Nếu vi phạm không phải là cơ bản, các công cụ khác được sử dụng để thiết lập lại số dư hợp đồng, bao gồm bồi thường thiệt hại.

Cuối cùng, việc áp dụng Công ước Viên năm 1980 làm tăng khả năng dự đoán của luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, đơn giản hoá việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng đó. Do đó, Công ước Viên năm 1980 có thể góp phần làm giảm thời gian kiện tụng và giảm chi phí liên quan, bao gồm cả khối lượng công việc tư pháp.

Có thể thấy rằng, Công ước Viên năm 1980 không những là nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho cải cách pháp luật quốc gia mà còn cải cách pháp luật khu vực. Liên quan tới Liên minh châu Âu, Ủy ban châu Âu đã ban hành Luật chung châu Âu (CESL). Tại Đông Nam Á, Singapore không còn là thành viên duy nhất của ASEAN gia nhập Công ước Viên năm 1980 vì Việt Nam đã trở thành thành viên của Công ước này.<sup>(3)</sup> Gia nhập Công ước Viên năm 1980 giúp Việt Nam tăng cường hợp tác kí kết các điều ước quốc tế đa phương về thương mại, từ đó cũng tăng cường mức độ hội nhập của Việt Nam. Đặc biệt, Diễn đàn pháp luật ASEAN lần thứ ba đã khuyến nghị các quốc gia ASEAN gia

nhập Công ước Viên năm 1980 nhằm hài hoà hoá pháp luật về mua bán hàng hoá trong khuôn khổ ASEAN. Việc Việt Nam và các quốc gia thành viên ASEAN khác gia nhập Công ước này sẽ giúp hài hoà hoá pháp luật về mua bán hàng hoá trong khuôn khổ ASEAN hướng tới mục tiêu xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN như đã hoạch định trong Hiến chương ASEAN.<sup>(4)</sup>

## **2. Quy định về thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế theo Công ước Viên năm 1980 - so sánh với pháp luật Việt Nam**

Với tính chất là một văn bản thống nhất, Công ước Viên năm 1980 đã thống nhất được nhiều mâu thuẫn giữa các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới, đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các xung đột pháp luật trong thương mại quốc tế và thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển. Vì vậy, khi Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1980, Việt Nam cũng sẽ được hưởng những lợi ích do văn bản thống nhất này mang lại<sup>(5)</sup>. *Thứ nhất*, giúp giảm thiểu các xung đột giữa các bên trong việc lựa chọn luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. *Thứ hai*, tạo ra khung pháp luật thống nhất nhằm cân bằng quyền và nghĩa

(2). Điều 25 Công ước Viên năm 1980.

(3). Nghiên cứu của VCCI về việc Việt Nam tham gia Công ước Viên năm 1980, <https://cisgvn.wordpress.com/cisg-cac-nuoc/>, truy cập 25/5/2019.

(4). Tờ trình số 173/TTr-CP ngày 22/4/2015 về việc gia nhập Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, tr. 4. <http://quochoi.vn/uybandoingoi/tulieu/Pages/tulieu.aspx?ItemID=12>, truy cập 25/5/2019.

(5). Tờ trình số 173/TTr-CP, ngày 22/4/2015 về việc gia nhập Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, tr. 3, <http://quochoi.vn/uybandoingoi/tulieu/Pages/tulieu.aspx?ItemID=12>, truy cập 25/5/2019.

vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Do vậy, các bên dễ dàng chấp nhận hơn so với áp dụng pháp luật của một quốc gia. Do Công ước Viên năm 1980 đã có hiệu lực tại các quốc gia nơi các bên có địa điểm kinh doanh nên các bên đã quen thuộc với các điều khoản của Công ước. Nhằm mục đích hạn chế việc phải tuyên bố hợp đồng bị huỷ bỏ nên những nội dung liên quan tới thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế được quy định trong Công ước Viên năm 1980 đã giúp các bên thực hiện hợp đồng được hiệu quả và nếu phải giải quyết tranh chấp thì cũng có cơ sở để xác định. Việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá được quy định trong pháp luật Việt Nam thông qua quy định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán tại các điều từ Điều 34 đến Điều 62 Luật thương mại năm 2005. Các quy định này trong Luật thương mại năm 2005 đã cho thấy các nhà làm luật Việt Nam đã tham khảo các điều khoản của Công ước Viên năm 1980 trong quá trình soạn thảo.<sup>(6)</sup> Tuy nhiên, cách xây dựng một số nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên trong Luật thương mại năm 2005 chỉ mang “tầm nhìn hạn chế”, nghĩa là chỉ phù hợp với các hợp đồng mua bán trong nước mà chưa đủ bao quát được tính chất phức tạp của việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

---

(6). Báo cáo nghiên cứu đề xuất Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, tr. 34. <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/1583-bao-cao-de-xuat-viet-nam-gia-nhap-cong-uoc-vien-1980>, truy cập 25/5/2019.

### *2.1. Quy định liên quan tới xác định địa điểm giao hàng*

Về cơ bản, Điều 31 Công ước Viên năm 1980 đưa ra cách lựa chọn cho các bên trong việc xác định địa điểm giao hàng. Cụ thể, các bên có thể dựa trên nguyên tắc tự do thoả thuận địa điểm giao hàng là “một nơi nhất định nào đó”. Việc xác định địa điểm giao hàng nhằm mục đích xác định rõ thời điểm bên bán đã chuyển giao hàng hoá cho bên mua và bên mua có nghĩa vụ phải nhận hàng tại địa điểm đã được xác định trong hợp đồng. Tuy nhiên, Công ước Viên năm 1980 cũng dự liệu những trường hợp khác khi bên bán không phải giao hàng tại một điểm giao hàng xác định. Cụ thể, khi người bán không buộc phải giao hàng tại một nơi nhất định nào đó thì tùy từng trường hợp sẽ có các cách xác định khác nhau:

- Trong trường hợp hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế có quy định việc vận chuyển hàng hoá thì địa điểm giao hàng là nơi bên chuyên chở đầu tiên nhận hàng của bên bán để chuyển giao sang cho bên mua;

- Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế không có quy định việc vận chuyển hàng hoá thì sẽ căn cứ vào đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế đó mà có các cách xác định địa điểm giao hàng khác nhau. Tuy nhiên, việc xác định địa điểm giao hàng trong các trường hợp này luôn nằm dưới quyền định đoạt của bên mua, ngay cả trường hợp địa điểm giao hàng có thể là trụ sở thương mại của bên bán.

Có thể nói, quy định của Công ước Viên năm 1980 đã xác định rõ được hai vấn đề: *Thứ nhất*, xác định rõ các trường hợp cụ thể

và dự đoán những trường hợp có thể xảy ra giữa các bên trong việc xác định địa điểm giao hàng; *thứ hai*, quyền định đoạt địa điểm giao hàng của bên mua là cơ sở để xác định địa điểm giao hàng khi địa điểm giao hàng không được xác định tại “một nơi nhất định nào”. Mặc dù, quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này về cơ bản cũng có điểm tương đồng nhưng cũng có điểm khác biệt. Cụ thể, Điều 35 Luật thương mại năm 2005 xác định địa điểm giao hàng trong hai trường hợp:

- Trường hợp có thoả thuận thì bên bán giao hàng cho bên mua đúng địa điểm đã thoả thuận;

- Trường hợp không có thoả thuận thì tùy từng trường hợp cụ thể mà có cách xác định địa điểm giao hàng khác nhau.

Tuy nhiên, quy định của pháp luật Việt Nam không xét tới trường hợp địa điểm giao hàng khó xác định và không rõ ràng thì thuộc trường hợp nào trong hai trường hợp được quy định tại Điều 35 Luật thương mại năm 2005. Giả sử, thương nhân M (Nhật Bản) bán 1000 đôi giày da cho thương nhân N (Việt Nam). Hợp đồng các bên có thoả thuận địa điểm giao hàng là tại kho của thương nhân N là quận Hà Đông, Hà Nội. Vậy với trường hợp này áp dụng khoản nào trong Điều 35 Luật thương mại năm 2005 để giải quyết? Bên cạnh đó, trong trường hợp không có thoả thuận địa điểm giao hàng, không có quy định về địa điểm giao hàng thì việc giao hàng hoá tại kho chứa hàng, nơi sản xuất hoặc trụ sở của bên bán đều căn cứ vào quy định của pháp luật Việt Nam là thừa nhận quyền được xác định địa điểm giao

hàng của bên bán. Điều này hoàn toàn trái ngược so với quy định của Công ước Viên năm 1980. Tuy nhiên, quy định này của pháp luật Việt Nam sẽ cho thấy sự mất cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua. Bởi bản chất của việc mua bán hàng hoá là bên bán có nghĩa vụ giao hàng, nhận thanh toán và bên mua có nghĩa vụ nhận hàng, trả tiền. Nếu khoảng cách địa lý xa nhau, chi phí vận chuyển phát sinh cao thì rất dễ phát sinh tranh chấp giữa các bên khi bên bán lại quyết định địa điểm giao hàng nhưng lại không rõ trụ sở, kho bãi hay cảng nhận hàng của bên mua ở đâu là phù hợp cho bên mua. Giả sử, thương nhân A (Pháp) bán 1000 đôi găng tay da bò cho thương nhân B (Việt Nam), hợp đồng các bên không có thoả thuận địa điểm giao hàng. Nếu áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam thì thương nhân A được quyền lựa chọn nơi sản xuất hoặc trụ sở của mình và chi phí vận chuyển là bên thương nhân B phải chịu và có trách nhiệm đến lấy hàng nếu các bên không có thoả thuận khác. Điều này tạo sự bất cân xứng giữa quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua trong việc xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế bởi bên mua luôn mong muốn có hàng hoá để kinh doanh nhưng không phải mất công đến điểm bán để lấy hàng. Quy định này của pháp luật Việt Nam chỉ phù hợp với những hợp đồng mua bán hàng hoá giữa các bên có khoảng cách địa lý gần (các bên nắm bắt được rõ khu vực kinh doanh của nhau), còn với hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế thì sẽ không hợp lý bởi hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế là việc thực hiện giữa hai thương nhân mang

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

quốc tịch khác nhau, do đó, khoảng cách địa lí là giữa các quốc gia với nhau. Vì vậy, cần xem xét và chỉnh sửa Điều 35 sao cho phù hợp với Công ước Viên năm 1980 để không những áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hoá trong nước mà bao gồm cả hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Cụ thể, về vấn đề này cần điều chỉnh khoản 2 Điều 35 Luật thương mại năm 2005 như sau: Bổ sung trường hợp nếu không thoả thuận về địa điểm giao hàng hoặc có thoả thuận nhưng địa điểm giao hàng không rõ ràng; bổ sung điểm c và điểm d khoản 2 Điều 35 Luật thương mại năm 2005 (cụ thể, xác định địa điểm giao hàng sẽ nằm dưới quyền định đoạt của bên mua).

### *2.2. Quy định liên quan tới xác định tính phù hợp của hàng hoá*

Liên quan tới cách xác định tính phù hợp của hàng hoá có sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam và Công ước Viên năm 1980 khi đều đưa ra cách xác định là loại trừ 04 trường hợp hàng hoá bị coi là không phù hợp với hợp đồng: không phù hợp với các mục đích sử dụng mà hàng hoá cùng loại vẫn đáp ứng; không phù hợp với bất kì mục đích cụ thể nào mà bên bán đã biết được vào lúc kí hợp đồng; không có tính chất của hàng mẫu đã cung cấp cho bên mua; không được bảo quản, đóng gói theo cách thức thông thường. Nhưng trường hợp phát hiện ra hàng hoá thuộc một trong các trường hợp không phù hợp với hợp đồng thì cách giải quyết giữa pháp luật Việt Nam và Công ước Viên năm 1980 có sự khác biệt. Luật thương mại năm 2005 nêu rõ tại khoản 2 Điều 39: “*Bên mua có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hoá*

*không phù hợp với hợp đồng*”. Tuy nhiên, cần xem xét quyền từ chối của bên mua khi nào phát sinh hiệu lực: tại thời điểm nhận hàng hay sau thời điểm nhận hàng? Mặt khác, Bộ luật dân sự năm 2015<sup>(7)</sup> quy định về hợp đồng mua bán tài sản xác định rõ về mặt nguyên tắc bên mua vẫn nhận hàng nhưng có phải chịu trách nhiệm với số hàng trên hay không thì căn cứ vào hàng hoá không phù hợp với hợp đồng là do lỗi của bên nào. Quy định này có sự tương đồng với Công ước Viên năm 1980. Mặc dù Công ước Viên năm 1980 không quy định cụ thể về vấn đề này nhưng qua điều khoản về bảo quản hàng hoá cho thấy Công ước Viên năm 1980 quy định rõ ràng về trách nhiệm của bên mua trong trường hợp nào phải nhận hàng và trường hợp nào được quyền từ chối nhận hàng. Cụ thể, khoản 2 Điều 86 Công ước Viên năm 1980 quy định: “*Nếu hàng hoá gửi đi cho người mua đã được đặt dưới quyền định đoạt của người này tại nơi đến và nếu người mua sử dụng quyền từ chối hàng thì họ phải tiếp nhận hàng hoá, chi phí do người bán chịu với điều kiện là người mua có thể làm việc này mà không phải trả tiền hàng và không gặp trở ngại hay các chi phí không hợp lí. Quy định này không áp dụng nếu người bán hiện diện tại nơi đến hay tại nơi đó có người có thẩm quyền để nhận hàng hoá cho người bán và chi phí do người bán chịu. Những quyền lợi và nghĩa vụ của người mua khi người này tiếp nhận hàng hoá chiếu theo khoản này được điều chỉnh bằng quy định tại khoản trên*”. Điều

(7). Các điều: 437, 438, 439 Bộ luật dân sự năm 2015.

này cũng cho thấy Công ước Viên năm 1980 quy định rõ bên mua được quyền từ chối nhận hàng nhưng vẫn phải tiếp nhận hàng hoá. Tuy nhiên, trường hợp ngoại lệ là bên mua được quyền từ chối nhận hàng đồng thời không phải nhận hàng khi có sự hiện diện của bên bán tại nơi đến hoặc có sự hiện diện của người có thẩm quyền để tiếp nhận hàng cho bên bán, còn những trường hợp khác bên mua phải tiếp nhận hàng hoá dù có sử dụng quyền từ chối hàng.

Mặt khác, Điều 40 Luật thương mại năm 2005 còn quy định về xác định trách nhiệm hàng hoá không phù hợp với hợp đồng trong trường hợp các bên có thoả thuận khác. Tuy nhiên, nội dung của Điều 40 Luật thương mại năm 2005 lại hướng tới xác định trách nhiệm của các bên đối với khiếm khuyết của hàng hoá. Bản chất của khiếm khuyết của hàng hoá và hàng hoá không phù hợp với hợp đồng là hai thuật ngữ hoàn toàn khác biệt. Hiện nay, Luật thương mại năm 2005 chưa có quy định khiếm khuyết hàng hoá là như thế nào. Nếu hiểu “khiếm khuyết” là chưa trọn vẹn, chưa đầy đủ thì có thể đưa ra khái niệm “khiếm khuyết hàng hoá” là sự thiếu sót, không được hoàn chỉnh về mặt bên ngoài hoặc kết cấu bên trong của hàng hoá. Vậy khiếm khuyết hàng hoá có được coi là hàng hoá không phù hợp với hợp đồng hay không? Nếu đối chiếu sang những trường hợp được coi là hàng hoá không phù hợp thì trường hợp hàng hoá bị khiếm khuyết không thuộc trường hợp hàng hoá không phù hợp với hợp đồng. Do đó, quy định này của pháp luật Việt Nam cần có sự thống nhất thuật ngữ, không nên sử dụng nhiều thuật ngữ

khác nhau để tạo ra sự không rõ ràng trong văn bản pháp luật.

Vì vậy, với nội dung liên quan tới hàng hoá không phù hợp với hợp đồng, pháp luật Việt Nam cần sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật thương mại năm 2005 như sau: “Bên mua được quyền từ chối nhưng vẫn phải nhận hàng, trừ trường hợp có người của bên bán hoặc người có thẩm quyền để nhận hàng hoá cho người bán hiện diện tại nơi đến”. Mặt khác, giữa quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật thương mại năm 2005 sử dụng thống nhất thuật ngữ “hàng hoá không phù hợp với hợp đồng” và bỏ thuật ngữ “khiếm khuyết của hàng hoá”.

### *2.3. Quy định liên quan tới kiểm tra hàng hoá*

*Thứ nhất*, nghĩa vụ kiểm tra hàng hoá và quyền khiếu nại luôn đi kèm với nhau. Ở nội dung này, quy định của pháp luật Việt Nam còn nhiều thiếu sót so với quy định của Công ước Viên năm 1980. Điều 44 Luật thương mại năm 2005 xác định rõ kiểm tra hàng hoá là quyền của bên mua chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc mà luật quy định cho bên mua. Vì vậy, bên mua có quyền thực hiện việc kiểm tra hàng hoá hoặc không phải kiểm tra hàng hoá trước khi bên bán giao hàng theo các thoả thuận của hai bên trong hợp đồng. Ngược lại, quy định của Công ước Viên năm 1980 nêu rõ: “*Bên mua phải kiểm tra hàng hoá và bảo đảm có sự kiểm tra hàng hoá trong một thời gian ngắn nhất mà thực tế có thể làm được tùy tình huống cụ thể*”.<sup>(8)</sup> Nghĩa là nghĩa vụ kiểm tra hàng hoá

(8). Khoản 1 Điều 38 Công ước Viên năm 1980.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

là một trong những nghĩa vụ bên mua phải tiến hành thực hiện. Theo Công ước Viên năm 1980, việc kiểm tra hàng hoá là trách nhiệm mặc định của bên mua, trong khi Luật thương mại năm 2005 quy định trách nhiệm này chỉ phát sinh cho bên mua khi các bên có thoả thuận vấn đề này trong hợp đồng.<sup>(9)</sup> Tuy nhiên, cơ sở nào để xác định “thời hạn ngắn nhất mà hoàn cảnh thực tế cho phép” và “thời hạn hợp lý” mà bên mua khiếu nại bên bán? Công ước Viên năm 1980 không đưa ra tiêu chí xác định thế nào là “thời hạn ngắn nhất mà hoàn cảnh thực tế cho phép”, do đó, tiêu chí này thường được xác định tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể. Các án lệ về điều khoản này cũng cho thấy một số tiêu chí có thể được sử dụng để xác định “thời hạn ngắn nhất” như: Các khía cạnh liên quan đến người mua (tình trạng cá nhân hay thương mại của người mua...), loại hàng hoá, mức độ phức tạp của hàng hoá, tính chất của hàng hoá (hàng dễ hỏng, hàng mang tính chất thời vụ...), khối lượng hàng được giao, khối lượng công việc cần thực hiện để kiểm tra hàng hoá... Một số tiêu chí khác nữa cũng có thể sử dụng như: tính chuyên nghiệp hay kinh nghiệm của người mua; sự sẵn có của cơ sở vật chất cho kiểm tra; thời hạn, hình thức sử dụng hay hình thức bán lại mà người mua mong muốn thực hiện, theo thói quen, thực tiễn và các yếu tố khác của hoàn cảnh.<sup>(10)</sup> Pháp luật Việt Nam cũng có

xác định “khoảng thời gian ngắn nhất mà hoàn cảnh thực tế cho phép” trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc kiểm tra hàng hoá và bên mua tiến hành kiểm tra hàng hoá và “trong thời gian hợp lý” bên mua thông báo cho bên bán nếu hàng hoá bị khiếm khuyết.<sup>(11)</sup> Tuy nhiên, làm thế nào và dựa vào đâu để xác định “khoảng thời gian ngắn nhất mà hoàn cảnh thực tế cho phép” và “trong thời gian hợp lý” theo pháp luật Việt Nam sẽ là khó bởi án lệ của pháp luật Việt Nam chưa ghi nhận trường hợp nào như thế này và cơ quan giải quyết tranh chấp của Việt Nam cũng không được linh hoạt trong việc xét xử các vụ việc khi quy định của pháp luật không rõ ràng. Do vậy, quy định tại Điều 44 Luật thương mại năm 2005 là không hợp lý với bản chất tư pháp của Việt Nam, bởi lẽ cơ quan giải quyết tranh chấp của Việt Nam chỉ có quyền xét xử trên căn cứ các quy định được ban hành và thừa nhận chứ không được tùy từng tình huống cụ thể mà xác định hành vi vi phạm của các bên.

*Thứ hai*, có sự khác nhau giữa Công ước Viên năm 1980 và pháp luật Việt Nam khi xác định thời hạn thực hiện quyền thông báo và quyền khiếu nại trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Luật thương mại năm 2005 nêu rõ thời gian khiếu nại được xác định trong hai trường hợp: Các bên có thoả thuận và trường hợp các bên không có thoả thuận thì xác định như sau: 03 tháng kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về hàng

---

(9). Nguyễn Chí Thắng, “Trách nhiệm kiểm tra hàng hóa của bên mua theo Công ước Viên năm 1980”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 1/2019, tr. 84.

(10). Nguyễn Minh Hằng, *Khác biệt giữa Công ước Viên năm 1980 và Luật thương mại*, <http://viac.vn/>

---

goc-nhin-trong-tai-vien/khac-biet-giua-cisg-va-luat-thuong-mai-a1115.html, truy cập 25/5/2019.

(11). Khoản 2 và khoản 4 Điều 44 Luật thương mại năm 2005.

hoá; 06 tháng kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng của hàng hoá và 09 tháng kể từ ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.<sup>(12)</sup> Có quan điểm cho rằng quy định trên của Luật thương mại năm 2005 khá tương đồng với quy định và thực tiễn xét xử liên quan đến Điều 38, Điều 39 Công ước Viên năm 1980. Thời hạn bên mua đưa ra thông báo cho bên bán về khiếm khuyết của hàng hoá được quy định trong “một thời hạn hợp lý”. Nếu xét đến thời hạn khiếu nại về khiếm khuyết hàng hoá, Luật thương mại năm 2005 thậm chí còn chi tiết hơn.<sup>(13)</sup> Tuy nhiên, đây là điểm khác biệt đáng kể nhất giữa quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước Viên năm 1980. Theo Luật thương mại năm 2005, thời hạn này nhiều nhất là 06 tháng kể từ ngày giao hàng và đây là thời hạn phù hợp với các hợp đồng nội địa. Công ước Viên năm 1980 quy định thời hạn này tối đa có thể là 02 năm kể từ ngày giao hàng cho mọi khiếu nại. Thời hạn 02 năm là khoảng thời gian được xem như thời hạn bảo hành hàng hoá của bên bán dành cho bên mua.<sup>(14)</sup> Sự khác biệt này giữa Luật thương mại năm 2005 và Công ước Viên năm 1980 là hoàn toàn có thể lí giải được do Luật thương mại được soạn thảo để áp dụng cho hợp đồng trong nước còn Công ước Viên năm 1980 được áp

dụng cho hợp đồng mua bán quốc tế (được suy đoán là thường phức tạp hơn về kĩ thuật cũng như về các quy định pháp lí tương ứng).<sup>(15)</sup> Bên cạnh đó, về thời gian khiếu nại theo Luật thương mại năm 2005 có sự mâu thuẫn tại khoản 4 Điều 44 Luật thương mại năm 2005: “*Bên bán không phải chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết của hàng hoá mà bên mua hoặc đại diện của bên mua đã biết hoặc phải biết nhưng không thông báo cho bên bán trong thời gian hợp lí sau khi kiểm tra hàng hoá*”. Vậy thực hiện quyền thông báo khiếm khuyết của hàng hoá có được coi là quyền khiếu nại của bên mua hay không và thời gian hợp lí ở đây có phải là 03 tháng, 06 tháng và 09 tháng hay không? Những quy định này của pháp luật Việt Nam đang có sự không thống nhất và rõ ràng. Có quan điểm cho rằng cần phân biệt thời hạn khiếu nại và thời hạn đưa ra thông báo về khiếm khuyết của hàng hoá.<sup>(16)</sup> Tuy nhiên, quy định của pháp luật Việt Nam hiện không chỉ ra được sự khác biệt giữa hai thuật ngữ này. Trong khi đó, theo quy định của Công ước Viên năm 1980 cho thấy sự liên quan giữa quyền thông báo và quyền khiếu nại.<sup>(17)</sup> Có nghĩa là các bên được dùng quyền khiếu nại nếu đã thông báo về khiếm khuyết của hàng hoá cho bên kia trong khoảng thời gian hợp lí. Ngoài dựa vào các tiêu chí để xác định “thời gian hợp lí” theo Công ước Viên năm

(12). Điều 318 Luật thương mại năm 2005.

(13). Nguyễn Chí Thắng, tldd, tr. 84.

(14). Landgericht Marburg, Germany, 12 Dec. 1995, <http://cisgw3.law.pace.edu/cases/951212g1.html> (CISG – online.ch case 148) (dẫn theo: Nguyễn Chí Thắng, “Trách nhiệm kiểm tra hàng hóa của bên mua theo Công ước Viên năm 1980”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 1/2019, tr. 84).

(15). Báo cáo nghiên cứu đề xuất Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, tr. 64, <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/1583-bao-cao-de-xuat-viet-nam-gia-nhap-cong-uoc-vien-1980>, truy cập 25/5/2019.

(16). Nguyễn Chí Thắng, tldd, tr. 84.

(17). Điều 39 Công ước Viên năm 1980.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

1980, có thể quy định cụ thể một khoảng thời gian nhất định như pháp luật Nhật Bản. Trách nhiệm thông báo sự không phù hợp với hợp đồng được quy định trong trách nhiệm bảo hành của người bán ghi nhận tại Điều 526 Bộ luật thương mại Nhật Bản năm 1899.<sup>(18)</sup> Theo đó, khi mua hàng, người mua có trách nhiệm kiểm tra hàng hoá và nếu phát hiện khiếm khuyết thì phải thông báo ngay cho người bán biết trong thời hạn tối đa là 06 tháng. Nếu người mua không thông báo như quy định trên thì xem như người bán đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và người mua sẽ mất quyền áp dụng các biện pháp chế tài cho việc vi phạm nghĩa vụ đó của người bán.<sup>(19)</sup>

*Thứ ba*, khoản 5 Điều 44 Luật thương mại năm 2005 quy định rõ quyền của bên bán là không phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hoá khi bên mua đã kiểm tra nếu khiếm khuyết của hàng hoá không thể được phát hiện trong quá trình kiểm tra bằng biện pháp thông thường và bên bán đã biết hoặc phải biết nhưng không thông báo cho bên mua. Đây là một trong những quy định có lợi cho bên bán. Việc sử dụng thuật ngữ “hàng hoá khiếm khuyết” trong trường hợp này là không hợp lý bởi về mặt nguyên tắc, hàng hoá bị khiếm khuyết dù được phát

hiện bằng mắt thường hay bằng các biện pháp “tinh vi” thì coi như là bên bán đã vi phạm hợp đồng. Mặt khác, khoản 5 Điều 44 lại đặt nặng trách nhiệm cho bên mua là phải chứng minh “hàng hoá khiếm khuyết” chứ không phải “hàng hoá không phù hợp với hợp đồng” được phát hiện ra nhờ kiểm tra bằng những biện pháp “tinh vi” và khi chứng minh được thì mới yêu cầu bên bán phải chịu trách nhiệm. Do vậy, quyền lợi của bên mua không được bảo đảm trong trường hợp này. Ngược lại, quy định của Công ước Viên năm 1980 đã tuyên bố rất rõ bên bán phải chịu trách nhiệm nếu như sự không phù hợp của hàng hoá liên quan đến các yếu tố mà người bán đã biết hoặc không thể không biết và họ đã không thông báo cho bên mua.

Vì vậy, với quy định liên quan tới kiểm tra hàng hoá, Luật thương mại năm 2005 cần nhìn nhận sự quan trọng của nghĩa vụ này và cần quy định:

- Coi kiểm tra hàng hoá là nghĩa vụ bắt buộc dù các bên có thoả thuận hay không có thoả thuận.

- Cần xác định cụ thể “trong một thời gian ngắn nhất mà hoàn cảnh thực tế cho phép” và “trong thời hạn hợp lý”.

- Xác định rõ trách nhiệm của bên bán đối với sự không phù hợp của hàng hoá liên quan đến các yếu tố mà người bán đã biết hoặc không thể không biết và họ đã không thông báo cho bên mua.

- Khoản 4 Điều 44 Luật thương mại năm 2005 phải thể hiện rõ quyền của bên mua trong việc khiếu nại khi phát hiện ra hàng hoá không phù hợp với hợp đồng và đã thông báo kịp thời cho bên bán.

(18). Bộ luật thương mại Nhật Bản năm 1899, <http://www.japaneselawtranslation.go.jp/law/detail/?id=2135&vm=04&re=02>, truy cập 28/5/2019.

(19). Nguyễn Thị Hồng Nhung, *Một số quy định về vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam - so sánh với pháp luật Nhật Bản*, <http://tapchi.congthuong.vn/bai-viet/mot-so-quy-dinh-ve-vi-pham-nghia-vu-trong-hop-dong-theo-phap-luat-viet-nam-so-sanh-voi-phap-luat-nhat-ban-50939.htm>, truy cập 28/5/2019.

#### 2.4. Quy định liên quan tới bảo quản hàng hoá

Trách nhiệm bảo quản hàng hoá là một trong những trách nhiệm quan trọng trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Công ước Viên năm 1980 xác định rõ trách nhiệm bảo quản hàng hoá cho bên bán và bên mua. Cụ thể, theo quy định từ Điều 85 đến Điều 88 Công ước Viên năm 1980 thì:

- Bên bán chịu trách nhiệm bảo quản hàng hoá khi hàng hoá còn nằm dưới quyền định đoạt của bên bán trong trường hợp bên mua chậm trễ nhận hàng hay không trả tiền hàng hoặc trong trường hợp khi việc trả tiền và việc giao hàng phải được tiến hành cùng một lúc.

- Bên mua phải chịu trách nhiệm bảo quản hàng hoá khi hàng hoá nằm dưới quyền định đoạt của bên mua. Tức là bên mua đã nhận hàng nhưng có ý định sử dụng quyền từ chối nhận hàng.

Luật thương mại năm 2005 không có điều khoản nào liên quan tới việc bảo quản hàng hoá. Vì vậy, việc xác định trách nhiệm bảo quản hàng hoá phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Đây là thiếu sót mà Luật thương mại cần bổ sung nhằm có những quy định thống nhất và đầy đủ các nội dung liên quan tới việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Việc bảo quản hàng hoá chỉ phát sinh khi một bên chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ. Do đó, căn cứ vào Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định trách nhiệm bảo quản hàng hoá và xử lý hàng hoá trong trường hợp phát sinh chi phí bảo quản hàng hoá và một bên

chậm tiếp nhận hàng hoá. Chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ được hiểu là khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ đã thực hiện nhưng bên có quyền không tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ đó.<sup>(20)</sup> Tuy nhiên, quy định tại Điều 355 chỉ áp dụng trong trường hợp một bên không tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ. Nghĩa là, quy định này chỉ phù hợp trong trường hợp bên bán giao hàng và bên mua chậm trễ nhận hàng hay không trả tiền. Vậy trường hợp bên mua đã nhận hàng nhưng sau đó tuyên bố từ chối nhận hàng thì có áp dụng được Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2015 hay không? Quy định của Điều luật chỉ áp dụng trong trường hợp có sự không tiếp nhận hàng hoá còn trường hợp bên mua đã tiếp nhận nhưng sau đó muốn trả hàng thì trách nhiệm bảo quản hàng hoá có đặt ra cho bên mua theo Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2015 hay không? Tuy quy định của văn bản pháp luật chung đã có nhưng để áp dụng cho luật chuyên ngành thì lại không dự liệu hết các trường hợp có thể xảy ra. Do đó, với quy định liên quan tới bảo quản hàng hoá, pháp luật Việt Nam nên quy định sao cho phù hợp với Công ước Viên năm 1980 và bổ sung điều khoản bảo quản hàng hoá vào Luật thương mại năm 2005.

Trước đây, khi chưa gia nhập Công ước Viên năm 1980, Công ước Viên năm 1980 sẽ không có hiệu lực đối với Việt Nam, trừ khi trong các hợp đồng xuất nhập khẩu các doanh nghiệp Việt Nam dẫn chiếu đến. Tuy nhiên, khi Việt Nam đã gia nhập Công ước

---

(20). Khoản 1 Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2015.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Viên năm 1980 thì Công ước đương nhiên được áp dụng, kể cả trong trường hợp các doanh nghiệp không dẫn chiếu trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Luật thương mại năm 2005 đã quy định, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có các cam kết khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 hay Luật thương mại năm 2005 thì sẽ áp dụng quy định của điều ước quốc tế. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là có nhiều điểm trong Công ước Viên năm 1980 khác với quy định của Luật thương mại năm 2005, trong đó có các vấn đề liên quan tới trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Luật thương mại năm 2005 cần sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng mua bán hàng hoá sao cho hợp lí giữa các điều luật trong cùng một văn bản và đồng thời cũng cần sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với văn bản pháp lí thống nhất giữa các quốc gia, <sup>(21)</sup> khắc phục những bất cập đã và đang gây cản trở trong việc lựa chọn áp dụng pháp luật Việt Nam trong thực tiễn thương mại.<sup>(22)</sup> Đây được coi là “bước đệm” giúp các thương nhân Việt Nam có thể gia nhập thị trường quốc tế với đầy đủ kiến thức pháp lí (có điều kiện áp dụng một nguồn luật cơ bản, đáng tin cậy, thống nhất thay vì phải áp dụng luật quốc gia của nước đối tác)./.

(21). Nguyễn Thị Thanh Tâm, *Tổng quan về các FTA thế hệ mới*, <http://giaoducvaxahoi.vn/tin-phap-luat/t-ng-quan-v-cac-fta-th-h-m-i.html>, truy cập 28/5/2019.

(22). Nguyễn Trọng Điệp, “Thực tiễn thị hành pháp luật về thương mại tại Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn tham chiếu với các yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới”, *Tạp chí khoa học*, Đại học quốc gia Hà Nội, số 2/2018, tr. 56.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Landgericht Marburg, Germany, 12 Dec. 1995, <http://cisgw3.law.pace.edu/cases/951212g1.html> (CISG - online.ch case 148) (được dẫn trong: Nguyễn Chí Thắng, “Trách nhiệm kiểm tra hàng hoá của bên mua theo Công ước Viên năm 1980”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 1/2019).
2. Nguyễn Minh Hằng, *Khác biệt giữa Công ước Viên năm 1980 và Luật thương mại*, <http://viac.vn/goc-nhin-trong-tai-vien/khac-biet-giua-cisg-va-luat-thuong-mai-a1115.html>
3. Nguyễn Chí Thắng, “Trách nhiệm kiểm tra hàng hóa của bên mua theo Công ước Viên năm 1980”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 1/2019.
4. Nguyễn Thị Hồng Nhung, *Một số quy định về vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam - so sánh với pháp luật Nhật Bản*, <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-quy-dinh-ve-vi-pham-nghia-vu-trong-hop-dong-theo-phap-luat-viet-nam-so-sanh-voi-phap-luat-nhat-ban-50939.htm>
5. Nguyễn Thị Thanh Tâm, *Tổng quan về các FTA thế hệ mới*, <http://giaoducvaxahoi.vn/tin-phap-luat/t-ng-quan-v-cac-fta-th-h-m-i.html>
6. Nguyễn Trọng Điệp, “Thực tiễn thị hành pháp luật về thương mại tại Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn tham chiếu với các yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới”, *Tạp chí khoa học*, Đại học quốc gia Hà Nội, số 2/2018.